

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI  
KHOA PHÁP LUẬT QUỐC TẾ

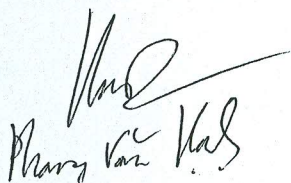
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 25 tháng 08 năm 2015

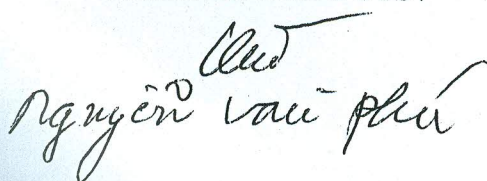
**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỀ NGHỊ XÉT TỐT NGHIỆP  
KHÓA 36 (ĐỢT 4)**

| STT | HỌ VÀ TÊN            | MÃ SV  | NGÀY SINH  | SỐ TCTL | ĐIỂM TBC |      | XẾP LOẠI TN |
|-----|----------------------|--------|------------|---------|----------|------|-------------|
|     |                      |        |            |         | HỆ 10    | HỆ 4 |             |
| 1.  | Hà Thị Hạnh          | 362304 | 29/04/1993 | 121     | 6.8      | 2.72 | Khá         |
| 2.  | Phạm Thị Hương       | 362330 | 3/9/1993   | 120     | 7.32     | 2.98 | Khá         |
| 3.  | Lê Thế Quyết         | 362341 | 10/10/1993 | 121     | 6.87     | 2.67 | Khá         |
| 4.  | Nguyễn T.Quỳnh Trang | 362329 | 28/9/1993  | 121     | 7.03     | 2.83 | Khá         |
| 5.  | Nguyễn Lê Duy        | 362465 | 27/12/1993 | 125     | 6.55     | 2.48 | T. Bình     |
| 6.  | Hà Phương Loan       | 362409 | 15/11/1992 | 121     | 6.86     | 2.76 | Khá         |
| 7.  | Nguyễn Thị Sim       | 362406 | 11/7/1993  | 121     | 7.06     | 2.83 | Khá         |
| 8.  | Nguyễn Thị Hồng      | 362456 | 20/6/1993  | 122     | 6.9      | 2.77 | Khá         |

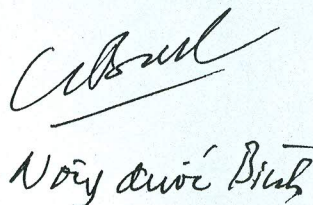
GD TT CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

  
Phạm Văn Hà

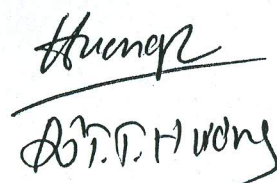
TRƯỞNG PHÒNG CTSV

  
Nguyễn Văn Phú

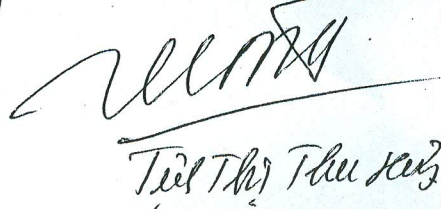
TRƯỞNG KHOA QLSV

  
Võ Thị Bình

NGƯỜI LẬP THÔNG KÊ

  
Đỗ T. T. Hương

P. TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

  
Trần Thị Thu Hà

Hà Nội, ngày 24 tháng 8 năm 2015

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỀ NGHỊ XÉT TỐT NGHIỆP  
KHÓA 36 (ĐỢT 4)**

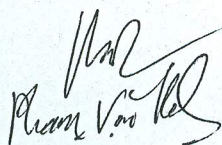
| STT | HỌ VÀ TÊN        |        | MÃ SV              | NGÀY SINH  | SỐ TCTL | ĐIỂM TBC |      | XẾP LOẠI TN |
|-----|------------------|--------|--------------------|------------|---------|----------|------|-------------|
|     |                  |        |                    |            |         | HỆ 10    | HỆ 4 |             |
| 1.  | Nguyễn Anh       | Việt   | 361825             | 24/4/1993  | 120     | 6.41     | 2.32 | Trung bình  |
| 2.  | Nguyễn Lê Phương | Trang  | 361921             | 20/8/1993  | 120     | 7.68     | 3.22 | Giỏi        |
| 3.  | Nguyễn Hà        | Phương | 362066             | 24/02/1993 | 120     | 6.8      | 2.63 | Khá         |
| 4.  | Nguyễn Thị       | Yến    | 362464<br>Lớp 3620 | 10/3/1990  | 127     | 6.75     | 2.67 | Khá         |
| 5.  | Lương Thu        | Hà     | 362124             | 24/10/1993 | 123     | 6.84     | 2.65 | Khá         |
| 6.  | Bùi Thị          | Hạnh   | 362206             | 20/11/1993 | 120     | 6.91     | 2.76 | Khá         |
| 7.  | Hoàng Minh       | Huệ    | 362223             | 26/01/1992 | 120     | 6.45     | 2.43 | Trung bình  |
| 8.  | Chu Thị Hải      | Yến    | 362226             | 02/6/1993  | 122     | 6.88     | 2.68 | Khá         |

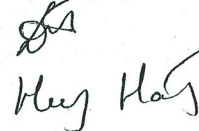
TT. TIN HỌC

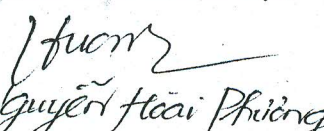
CBQL KHÓA P. CTSV

CBQL KHÓA P. ĐÀO TẠO

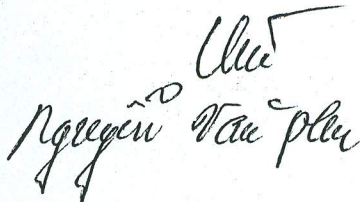
NGƯỜI LẬP THỐNG KÊ

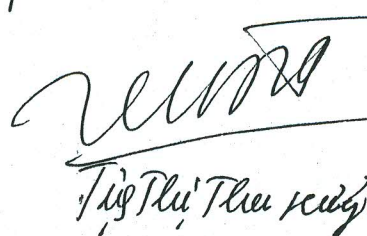
  
Phan Văn Hải

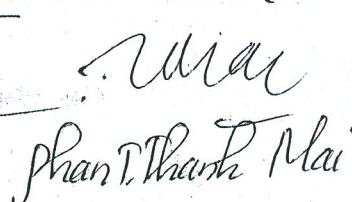
  
Đỗ Huy Hoàng  
TRƯỞNG PHÒNG CTSV

  
Nguyễn Hải Phòng  
P. TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

  
Trần Thanh Văn  
TRƯỞNG KHOA QLSV

  
Nguyễn Văn Phú

  
Tịch Phú Thụ

  
Phan Thanh Mai

Hà Nội, ngày 20 tháng 8 năm 2015

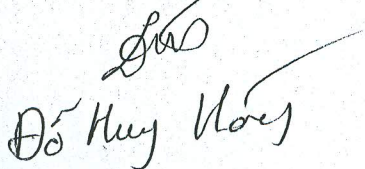
DANH SÁCH SINH VIÊN KHÓA 36 (2010-2014)  
ĐỀ NGHỊ XÉT CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP (Đợt 4)

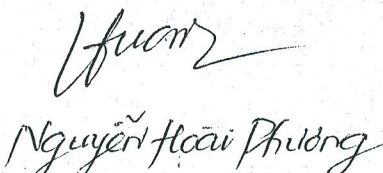
| TT  | HỌ VÀ TÊN        | MSSV   | Ngày sinh  | TỔNG<br>SỐ<br>TCTL | ĐIỂM<br>TBCHT |      | Xếp loại<br>TN |
|-----|------------------|--------|------------|--------------------|---------------|------|----------------|
|     |                  |        |            |                    | Hệ 10         | Hệ 4 |                |
| 1.  | Trần Thị Mỹ Hạnh | 361428 | 28/01/1993 | 120                | 7.54          | 3.15 | Khá            |
| 2.  | Nguyễn Văn Việt  | 361501 | 17/7/1993  | 120                | 6.85          | 2.73 | Khá            |
| 3.  | Lô Thị Thoa      | 361508 | 08/4/1993  | 123                | 7.12          | 2.89 | Khá            |
| 4.  | Nguyễn Thị Ánh   | 361515 | 15/10/1992 | 124                | 6.96          | 2.76 | Khá            |
| 5.  | Nguyễn Ngọc Ánh  | 361553 | 01/10/1993 | 127                | 7.37          | 3.04 | Khá            |
| 6.  | Lê Thị Hồng Hạnh | 361562 | 21/01/1993 | 121                | 6.49          | 2.43 | Trung bình     |
| 7.  | Nguyễn Lan Anh   | 361605 | 28/8/1992  | 120                | 6.9           | 2.74 | Khá            |
| 8.  | Ma Thị Bưởi      | 361608 | 14/6/1992  | 122                | 6.38          | 2.4  | Trung bình     |
| 9.  | Hà Thị Đông      | 361623 | 26/10/1990 | 120                | 6.37          | 2.38 | Trung bình     |
| 10. | Nguyễn Vũ Lê     | 361670 | 30/01/1990 | 120                | 6.67          | 2.58 | Khá            |
| 11. | Lương Ngọc Sinh  | 361724 | 28/8/1991  | 120                | 6.41          | 2.39 | Trung bình     |

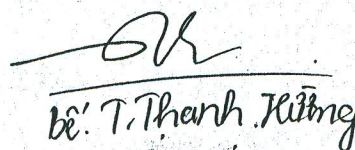
CBQL KHÓA P.CTSV

CBQL KHÓA P.ĐÀO TẠO

NGƯỜI LẬP THỐNG KÊ

  
Đỗ Huy Hoan

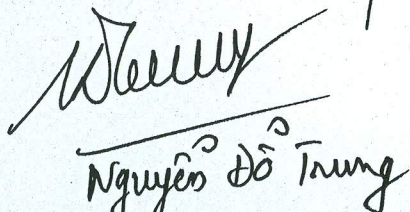
  
Nguyễn Hoài Phương

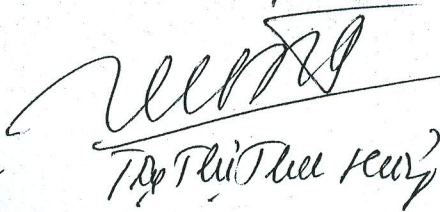
  
Bế T. Thanh Hùng

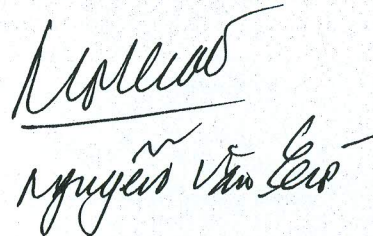
P. TRƯỞNG PHÒNG CTSV

P. TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

TRƯỞNG KHOA QLSV

  
Nguyễn Đỗ Trung

  
Tập Thị Thu Hương

  
Nguyễn Văn Cường

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

  
Phạm Văn Hải

Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2015

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỀ NGHỊ XÉT TỐT NGHIỆP  
KHÓA 36 ĐỢT 4

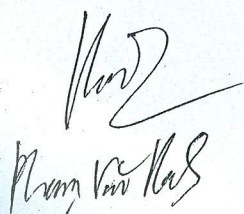
| STT | HỌ VÀ TÊN         |        | MÃ SV  | NGÀY SINH  | SỐ TCTL | ĐIỂM TBC |      | XẾP LOẠI<br>TN |
|-----|-------------------|--------|--------|------------|---------|----------|------|----------------|
|     |                   |        |        |            |         | HỆ 10    | HỆ 4 |                |
| 1.  | Đinh Thị Hồng     | Nhung  | 360708 | 22/05/1993 | 121     | 6.85     | 2.70 | Khá            |
| 2.  | Đặng Văn          | Phú    | 360725 | 10/08/1992 | 123     | 6.52     | 2.48 | Trung<br>bình  |
| 3.  | Trịnh Thị Hồng    | Thuý   | 360735 | 05/01/1993 | 121     | 6.67     | 2.60 | Khá            |
| 4.  | Nguyễn Minh       | Phương | 360751 | 24/03/1993 | 122     | 7.44     | 3.08 | Khá            |
| 5.  | Tổng Thị Thu      | Hà     | 362140 | 17/09/1993 | 120     | 6.61     | 2.57 | Khá            |
| 6.  | Nguyễn Thị        | Ngọc   | 361013 | 17/06/1993 | 121     | 7.11     | 2.93 | Khá            |
| 7.  | Nguyễn Đặng Thanh | Thuý   | 361038 | 14/12/1993 | 122     | 6.77     | 2.68 | Khá            |
| 8.  | Phạm Văn          | Thọ    | 361042 | 04/12/1993 | 121     | 6.68     | 2.62 | Khá            |
| 9.  | Dương Bá          | Đoàn   | 361127 | 13/08/1993 | 120     | 6.98     | 2.84 | Khá            |
| 10. | Lương Thụy        | Anh    | 361135 | 30/12/1993 | 120     | 6.63     | 2.59 | Khá            |
| 11. | Vũ Quang          | Huy    | 361157 | 14/09/1992 | 120     | 6.82     | 2.63 | Khá            |
| 12. | Phạm Thị          | Mai    | 361247 | 13/05/1993 | 121     | 6.99     | 2.86 | Khá            |
| 13. | Hoàng Việt        | Anh    | 361258 | 04/09/1993 | 122     | 7.01     | 2.83 | Khá            |
| 14. | Trần Đức          | Anh    | 361341 | 27/10/1992 | 121     | 6.65     | 2.56 | Khá            |
| 15. | Trần Đình         | Nhất   | 361356 | 10/12/1993 | 120     | 6.37     | 2.42 | Trung<br>bình  |

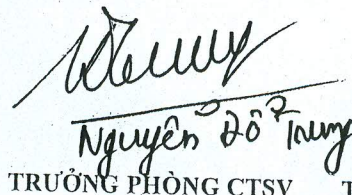
GIÁM ĐỐC  
TRUNG TÂM CÔNG  
NGHỆ THÔNG TIN

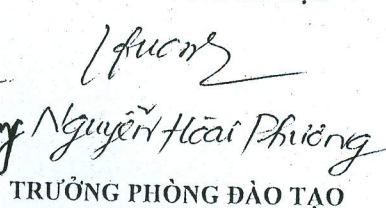
CBQL KHÓA P.CTSV

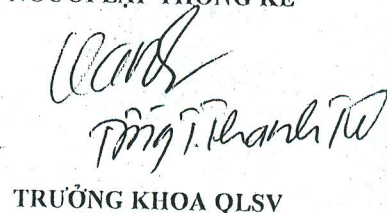
CBQL KHÓA P. ĐÀO TẠO

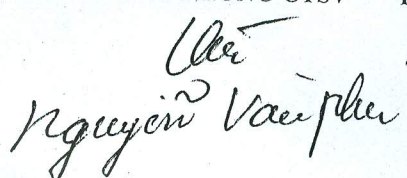
NGƯỜI LẬP THÔNG KÊ

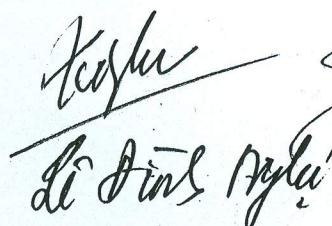
  
Nguyễn Văn Khoa

  
Nguyễn Đỗ Trung  
TRƯỞNG PHÒNG CTSV

  
Nguyễn Hoài Phương  
TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

  
Trần Thị Thanh Tú  
TRƯỞNG KHOA QLSV

  
Nguyễn Văn Phú

  
Lê Đình Nghĩa

PGS.TS. Cô Văn Hòa

Hà Nội, ngày 19 tháng 08 năm 2015

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỀ NGHỊ XÉT TỐT NGHIỆP  
KHÓA 36 (ĐỢT 4)**

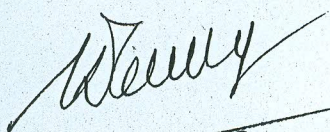
| STT | HỌ VÀ TÊN           | MÃ SV  | NGÀY SINH  | SỐ TCTL | ĐIỂM TBC |      | XẾP LOẠI TN | GHI CHÚ |
|-----|---------------------|--------|------------|---------|----------|------|-------------|---------|
|     |                     |        |            |         | HỆ 10    | HỆ 4 |             |         |
| 1   | Nguyễn Thị Oanh     | 360245 | 06/01/1993 | 121     | 6.9      | 2.75 | Khá         |         |
| 2   | Đoàn Thị Trang      | 360242 | 16/04/1992 | 121     | 6.89     | 2.77 | Khá         |         |
| 3   | Nguyễn Thu Hiền     | 360343 | 07/04/1992 | 123     | 7.2      | 2.94 | Khá         |         |
| 4   | Dương Thị Quỳnh Hoa | 360322 | 11/12/1993 | 120     | 6.7      | 2.61 | Khá         |         |
| 5   | Dương Thị Sao       | 360316 | 22/03/1993 | 123     | 6.38     | 2.39 | Trung bình  |         |
| 6   | Nguyễn Đức Hùng     | 360431 | 20/2/1992  | 123     | 6.93     | 2.74 | Khá         |         |
| 7   | Lê Anh Tuấn         | 360409 | 20/7/1993  | 121     | 6.7      | 2.64 | Khá         |         |
| 8   | Nguyễn Thị Hòa      | 360414 | 05/12/1992 | 124     | 6.80     | 2.71 | Khá         |         |
| 9   | Hoàng Thị Hà        | 360554 | 17/10/1992 | 120     | 7.89     | 3.34 | Giỏi        |         |
| 10  | Nguyễn Văn Tình     | 360645 | 10/4/1993  | 122     | 6.63     | 2.57 | Khá         |         |
| 11  | Lương Thế Vũ        | 360665 | 09/03/1993 | 123     | 7.05     | 2.79 | Khá         |         |

CBQL36 KHÓA P.CTSV

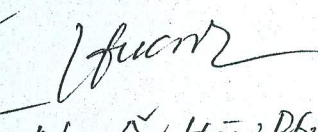
CBQL KHÓA P. ĐÀO TẠO

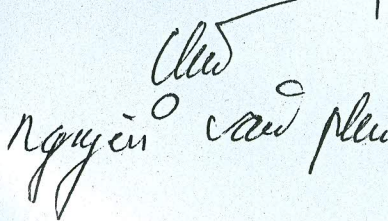
GD TT CN THÔNG TIN

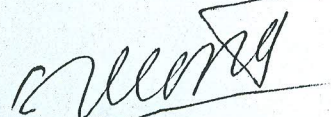
NGƯỜI LẬP THỐNG KÊ

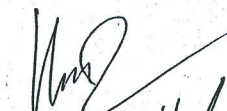
  
Nguyễn Đỗ Trung

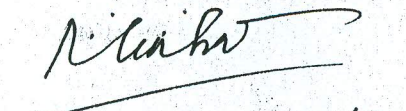
TRƯỞNG P. CTSV

  
P. TRƯỞNG P. ĐÀO TẠO

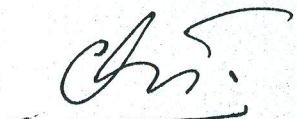
  
Nguyễn Văn Hùng

  
Nguyễn Thị Hòa

  
Hoàng Thị Hà

  
Nguyễn Văn Tình

TRƯỞNG KHOA QLSV

  
PGS.TS Nguyễn Hữu Chí

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI  
KHOA PL THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ

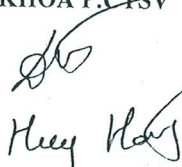
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

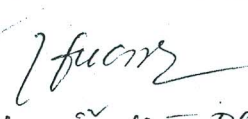
Hà Nội, ngày 19. tháng 8. năm 2015

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỀ NGHỊ XÉT TỐT NGHIỆP  
KHÓA 36 (ĐỢT 4)**

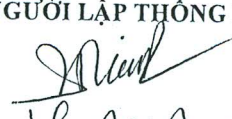
| TT | HỌ VÀ TÊN          | MÃ SV  | NGÀY SINH  | SỐ<br>TCTL | ĐIỂM TBC |      | XẾP LOẠI<br>TN |
|----|--------------------|--------|------------|------------|----------|------|----------------|
|    |                    |        |            |            | HỆ 10    | HỆ 4 |                |
| 1. | Hoàng Thị Tâm Đan  | 362522 | 15/12/1993 | 129        | 6.91     | 2.78 | Khá            |
| 2. | Trần Minh Hằng     | 362545 | 03/10/1993 | 127        | 7.81     | 3.28 | Giỏi           |
| 3. | Lê Thị Quỳnh Trang | 362521 | 16/03/1993 | 127        | 7.02     | 2.79 | Khá            |

CBQL36 KHÓA P.CTSV    CBQL KHÓA P. ĐÀO TẠO    GIÁM ĐỐC TTCNTT    NGƯỜI LẬP THỐNG KÊ

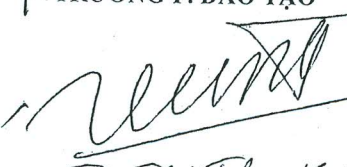
  
Đỗ Huy Hanh  
TRƯỞNG P. CTSV

  
Nguyễn Hoa Phương  
P. TRƯỞNG P. ĐÀO TẠO

  
Phạm Văn Kiên  
GIÁM ĐỐC TTCNTT

  
Lê Chi Quyet Mai  
TRƯỞNG KHOA QLSV

  
Nguyễn Văn Phúc  
NGƯỜI LẬP THỐNG KÊ

  
Trần Thị Thu Hà  
P. GIÁM ĐỐC TTCNTT

  
Nguyễn Thị Lan  
P. TRƯỞNG KHOA QLSV